

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ'**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Thực vật học

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Đỗ Ngọc Đài

2. Ngày tháng năm sinh: 15/10/1982; Nam ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Đường Đậu Yên, Khối Yên Trường, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 51-Lý tự Trọng, Phường Hà Huy tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại nhà riêng: ....; Điện thoại di động: 0986567908; E-mail: daidn23@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 03/2014 đến tháng 12/2014: Giảng viên, Khoa Nông Lâm Ngư, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Từ tháng 12/2014 đến tháng 06/2016: Giảng viên, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

Từ tháng 06/2016 đến tháng 06/2020: Giảng viên, Phó trưởng phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Từ tháng 06/2020 đến 6/2022: Giảng viên, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Từ tháng 6/2022 đến nay: Giảng viên, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Địa chỉ cơ quan: 51-Lý Tự Trọng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại cơ quan: 0238 8692 096

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 10 năm 2005; số văn bằng: 0339857; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Vinh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 10 năm 2008; số văn bằng: 043216; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Thực vật học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Vinh, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 08 năm 2014; số văn bằng: 03210; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Thực vật học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Hồng Đức

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu về đa dạng thực vật và tài nguyên thực vật.

- Nghiên cứu về tinh dầu và hoạt tính sinh học của tinh dầu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **03** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **08** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **06**, trong đó cấp cơ sở **03**; cấp Bộ (Quỹ Nafosted) **02**, cấp tỉnh **01**;
- Đã công bố (số lượng) **152** bài báo khoa học, trong đó **89** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **04**, trong đó **04** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/01/2021 vì đã có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học, công nghệ, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.
2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An ngày 22 tháng 07 năm 2021 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021.
3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An ngày 30 tháng 12 năm 2020 vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
4. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An ngày 08 tháng 05 năm 2017 vì đã có thành tích xuất sắc, đạt giải ba “Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Nghệ An năm 2017”.
5. Danh hiệu chiến sĩ thi đua tỉnh Nghệ An của chủ tịch tỉnh Nghệ An ngày 10 tháng 08 năm 2018 vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, tiêu biểu từ năm học 2015-2016 đến năm học 2017-2018.
6. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An ngày 15 tháng 08 năm 2016 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm học 2014-2015 đến năm học 2015-2016.
7. Đoạt giải khuyến khích Giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt Nam, năm 2022.
8. Đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” năm học: 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2019-2020, 2021-2022.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Bản thân tôi luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được cấp trên giao. Thực hiện và đáp ứng tốt nhiệm vụ, tiêu chuẩn của nhà giáo.
2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:
  - Tổng số 09 năm.
  - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức <sup>(*)</sup>
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018			02		x		95/110/81
2	2018-2019			03		x		123/100,8/81
3	2019-2020			01		x		153/123,42/81
03 năm học cuối								
4	2020-2021	01		01		x		108/86,4/81
5	2021-2022	01				x		126/93,9/81
6	2022-2023	01				x		114/77,7/67,5

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc  TSKH; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tốt.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 khung năng lực Châu Âu

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Danh Hùng	x		x		05/2017-05/2020	Học viện Khoa học và Công nghệ	18/09/2020
2	Trịnh Thị Hương	x		x		05/2017-8/2021	Học viện Khoa học và Công nghệ	20/01/2022
3	Nguyễn Thành Chung	x		x		12/2019-9/2022	Học viện Khoa học và Công nghệ	26/12/2022
4	Nguyễn Thị Hoài Nam		X	x		04-10/2015	Trường Đại học Vinh	11/12/2015
5	Đào Thị Thoan		X	x		12/2016-08/2017	Trường Đại học Hồng Đức	29/11/2017
6	Lê Thị Hồng		X	x		12/2016-08/2017	Trường Đại học Hồng Đức	29/11/2017
7	Nguyễn Thị Thảo		X	x		12/2017-08/2018	Trường Đại học Hồng Đức	27/12/2018
8	Ngô Thị Thắm		X	x		12/2017-08/2018	Trường Đại học Hồng Đức	27/12/2018
9	Đặng Văn Sáu		X	x		12/2017-08/2018	Trường Đại học Hồng Đức	27/12/2018
10	Nguyễn Thị Khánh Hòa		X	x		01-08/2019	Trường Đại học Hồng Đức	28/02/2020
11	Phạm Thị Thành Đạt		X	x		07/2019-10/2020	Trường Đại học Nông Lâm tp Hồ Chí Minh	28/01/2021

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							

II		Sau khi được công nhận TS					
1	Tinh dầu họ Na (Annonaceae Juss.) ở Việt Nam	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2014	04			CV số 660 ngày 21 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
2	Đa dạng thực vật Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2019	09	x		CV số 660 ngày 21 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
3	Tinh dầu và hoạt tính sinh học tinh dầu của một số loài trong họ Gừng (Zingiberaceae Martinov) ở Việt Nam	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2021	05			CV số 660 ngày 21 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
4	Danh lục thực vật có mạch ở Khu dự trữ Sinh quyển miền Tây Nghệ An	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2022	09	x		CV số 660 ngày 21 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS:

Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là tác giả chủ biên: 02, thứ tự sách theo phụ lục [2], [4].

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				

1	Nghiên cứu tính đa dạng thực vật bậc cao có mạch ở xã Bình Chuẩn thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống, Nghệ An (Đề tài)	CN	T2015-01 (Trường)	01-12/2015	20/01/2016 Tốt
2	Nghiên cứu thành phần hóa học tinh dầu của chi Sa nhân ( <i>Amomum</i> ) và chi Riềng ( <i>Alpinia</i> ) thuộc họ Gừng ( <i>Zingiberaceae</i> ) ở Bắc Trung Bộ (Đề tài)	CN	106.03.2014-23 (Nafosted)	03/2015-03/2017	30/06/2017 Đạt
3	Điều tra các loài thực vật làm thuốc của người Thái ở xã Đồng Văn thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, Nghệ An (Đề tài)	CN	T2018-01 (Trường)	1096/QĐ-ĐHKTNA ngày 18/12/2017	12/12/2018 Tốt
4	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và thành phần hóa học tinh dầu họ Hồ tiêu ( <i>Piperaceae</i> ) ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh (Đề tài)	CN	T2019-01 (Trường)	01-12/2019	03/12/2019 Tốt
5	Nghiên cứu thành phần hóa học tinh dầu của một số loài thuộc họ Long não ( <i>Lauraceae</i> ) ở Bắc Trung Bộ (Đề tài)	CN	106.03-2018.02 (Nafosted)	12/2018-12/2020	04/11/2020 Đạt
6	Điều tra, đánh giá tính đa dạng sinh học ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống, Nghệ An và đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát triển (Đề tài)	CN	Cấp tỉnh	10/2019-5/2021	30/05/2021 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Chemical composition of the leaf essential oil of <i>Desmos chinensis</i> Lour.	2	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants;	SCIE, IF: 0.824, Q3	2	15, 6, 1044-1048	2012

	(Annonaceae) from Viet Nam			ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)				
2	The leaf essential oils of five Vietnamese <i>Desmos</i> species (Annonaceae)	4	x	Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, IF: 0.468, Q3	9	7, 2, 231-234	2012
3	Chemical composition of the essential oil of <i>Zanthoxylum avicennae</i> (Lam.) DC. leaves (Rutaceae) from Vietnam	6	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, IF: 0.824, Q3	9	15, 1, 7-11	2012
4	Các cấu tử dễ bay hơi từ rễ Gừng tía ( <i>Zingiber montanum</i> (Koenig) Dietrich) và Gừng ( <i>Zingiber officinale</i> Rosc.)	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			50, 3E, 1185-1190	2012
5	Thành phần hóa học tinh dầu cành loài Bời lời nhót ( <i>Litsea glutinosa</i> (Lour.) C. B. Robins.) ở Vườn Quốc gia Bạch Mã	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			50, 3E, 1191-1195	2012
6	Đa dạng thực vật và bảo tồn ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, Nghệ An	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X		1	50, 3E, 1203-1208	2012
7	Tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở vùng đệm thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Luông, Thanh Hóa	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			50, 3D, 994-1000	2012
8	Thành phần hóa học tinh dầu gỗ loài Sa mộc dầu ( <i>Cunninghamia konishii</i> Hayata) ở Hà Giang	2	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160		4	34, 4, 469-472	2012
9	Tính đa dạng họ Na (Annonaceae Juss.) ở Bắc Trung Bộ	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			50, 3B, 254-263	2012
10	Nguồn tài nguyên cây làm thuốc dưới tán rừng khoanh nuôi của đồng bào Thái ở xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523		1	11, 75-81	2012
11	Thành phần hóa học của tinh dầu từ gỗ loài Thông nước - <i>Glyptostrobus</i>	2	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160		1	34, 2, 204-206	2012



	<i>pensilis</i> (Staunt. ex D. Don) K. Koch ở Việt Nam							
12	Nghiên cứu tính đa dạng cây thuốc ở vùng Tây Bắc Nghệ An	3	x	Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 1, Nxb Nông nghiệp Hà Nội; ISBN: 978-604-60-0157-7			56-62	2012
13	Thành phần hóa học trong tinh dầu từ rễ loài Na rừng ( <i>Kadsura longipedunculata</i> Fin. & Gagnep.) ở tỉnh Kon Tum	3		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			33, 4, 57-59	2011
14	Tài nguyên cây thuốc họ Na (Annonaceae) ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ			49, 3A, 39-51	2011
15	Thành phần hóa học tinh dầu từ thân và rễ của loài Xun xe tạp - <i>Kadsura heteroclita</i> (Roxb.) Craib (Schisandraaceae) phân bố tại tỉnh Vĩnh Phúc	3		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			33, 3, 58-62	2011
16	Chemical composition of essential oils of <i>Annona squamosa</i> L. and <i>Annona reticulata</i> L. from Vietnam	3		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160	1		33, 3, 63-67	2011
17	Thành phần hóa học của tinh dầu cành Bách xanh ( <i>Calocedrus macrolepis</i> Kurz) ở Hà Giang	4		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			33, 2, 57-59	2011
18	Chemical composition of the essential oil of <i>Milliusa bailonii</i> Pierre (Annonaceae) from Vietnam	4		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160	1		33, 2, 60-63	2011
19	Thành phần hóa học tinh dầu Bách xanh đá ( <i>Calocedrus rupestris</i> Aver., N.T.Hiep & P.K. Loc) ở Hà Giang	4	x	Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị khoa học Toàn quốc lần thứ 4, Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội; ISSN: 1859-4425			1099-1002	2011
20	Tính đa dạng của hệ thực vật bậc cao có mạch sinh	1	x	Báo cáo Khoa học, Hội nghị Toàn			127-132	2011

	sản bằng bào tử ở Vườn quốc gia Bến En, Thanh Hóa			quốc lần thứ nhất Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, Tháng 4/2011; ISBN: 978-604-913-028-1				
21	Thành phần hóa học tinh dầu rễ Riềng nếp ( <i>Alpinia galanga</i> Willd.) ở Xiêng Khoảng, Lào	2	x	Tạp chí Công nghệ Sinh học; ISSN: 1811-4989			8, 3A, 441-444	2010
22	Đa dạng thực vật bậc cao có mạch ở khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, Thanh Hóa	2	x	Tạp chí Công nghệ Sinh học; ISSN: 1811-4989			8, 3A, 929-935	2010
23	Thành phần hoá học của tinh dầu lá Chuối con chông ( <i>Uvaria grandiflora</i> Roxb. ex Hornem) thu hái ở tỉnh Hà Tĩnh	4	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			32, 3, 62-64	2010
24	Chemical composition of the leaf oil of <i>Litsea glutinosa</i> (Lour.) C. B. Rob. from Ha Tinh province	4	x	Journal of Science, Natural Sciences and Technology, VNU; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			26, 3, 161-164	2010
25	Thành phần hoá học của tinh dầu lá Hàm ếch - <i>Saurusus chinensis</i> (Lour.) Hort. ex Loud. Thu hái ở tỉnh Thanh Hóa	2	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			32, 2, 71-73	2010
26	Thành phần hoá học của tinh dầu từ lá cây Com rươi craib ( <i>Glycosmis craibii</i> Tanaka) ở Nghệ An	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			48, 2A, 702-705	2010
27	Chemical composition of the essential oil <i>Artabotrys vinhensis</i> Ast (Family: Annonaceae) from Vietnam	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			48, 2A, 946-950	2010
28	Đa dạng thực vật núi đã vôi và bảo tồn chúng ở vùng Đông Bắc huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523			7, 81-85	2010

29	Thành phần hoá học của tinh dầu từ lá cây Dây chân chim núi ( <i>Desmos cochinchinensis</i> var. <i>fulversen</i> Ban) ở Hà Tĩnh	3	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			31, 3, 61-64	2009
30	Thành phần hoá học của tinh dầu Bồ bèo trắng ( <i>Fissistigma thoreli</i> (Pierre ex Fin. & Gagnep.) Merr.) ở Hà Tĩnh	4	x	Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị Khoa học Toàn quốc lần thứ 3, Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội; ISBN: 1859-4425			933-937	2009
31	Thành phần hóa học của tinh dầu từ lá cây Giác đế sài gòn ( <i>Goniothalamus glabracionus</i> (Baill.) Ast) ở Hà Tĩnh	4	x	Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị Khoa học Toàn quốc lần thứ 3, Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội; ISBN: 1859-4425			938-941	2009
32	Thành phần hoá học của tinh dầu từ lá cây Mãng cầu xiêm ( <i>Annona muricata</i> L.) ở Nghệ An	3	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			30, 4, 52-56	2008
33	A new natural source of Camphor from <i>Cinnamomum longepetiolatum</i> Costerm. apud Phamh.in Vietnam	4		Journal of Science, Natural Sciences and Technology, VNU, ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			24, 3, 211-213	2008
34	Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở Vườn Quốc gia Bạch Mã	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523			9, 96-99	2008
35	Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch trên núi đá vôi Vườn quốc gia Bến En-Thanh Hoá	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523		6	19, 65-68	2007
36	Kết quả điều tra tính đa dạng nguồn gen cây thuốc trên núi đá vôi Vườn quốc gia Bến En-Thanh Hoá	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523		2	10 + 11, 30-37	2007
II	Sau khi được công nhận TS							
1	Chemical constituents and antimicrobial activity of <i>Tsoongiodendron odorum</i> and <i>Manglietia chevalieri</i>	5		Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 1573-8388 (Print);	SCIE, Q3, IF: 0.830		59, 3, 587-590	2023

	essential oils from Vietnam			1573-8388 (Online)				
2	<i>Lindera</i> essential oils from Vietnam: Antimicrobial activity and constituents of the leaf of <i>Lindera chunii</i> Merr. (Lauraceae) essential oils and chemotaxonomy	5		Journal of Essential Oils Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971		26, 2, 420-431	2023
3	Essential oils of <i>Piper pendulispicum</i> C. DC. and <i>Piper hymenophyllum</i> Miq.: Chemical composition and antimicrobial activity	5	x	Journal of Essential Oils Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971		26, 2, 403-410	2023
4	Chemical compositions and antimicrobial activities of essential oils from the leaves and rhizomes of <i>Meistera cristatissima</i> from Vietnam	5		Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.830		59, 2, 396-399	2023
5	Environmentally-Friendly Pesticidal Activities of <i>Callicarpa</i> and <i>Karomia</i> Essential Oils from Vietnam and Their Microemulsions	8		Chemistry & Biodiversity, 20(3): e202200210	SCIE, Q3, IF: 2.745		20, 3	2023
6	Chemical composition, antimicrobial and larvicidal activities of essential oils of two <i>Syzygium</i> species from Vietnam	6		Brazilian Journal of Biology, ISSN: 1519-6984 (Print) 1678-4375 (Online)	Scopus, Q2, IF: 1.316		84, 1-9	2023
7	<i>Camellia maianhii</i> (Theaceae), A New Species of Red-Flowered <i>Camellia</i> from the North Central Coast Region of Vietnam	5		Journal of Botany Research, ISSN: 2643-6027 (Online)			6, 1, 176-183	2023
8	Essential oil compositions and antimicrobial activity of the leaves of <i>Alphonsea monogyna</i> Merr. & Chun and <i>Goniothalamus banii</i> B. H. Quang, R. K. Choudhary & V.T. Chinh from Vietnam	4		Record of Natural Products, ISSN: 1307-6167	SCIE, Q3, IF: 2.0		17, 3, 571-576	2023
9	Chemical compositions, and antimicrobial of essential oils from the	6		Natural Product Communications,	SCIE, Q3, IF: 1.496	2	17, 12, 1-6	2022

	leaves of 4 Vietnamese Zingiberaceae species			ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)				
10	Essential oils of two ginger plants <i>Newmania orthostachys</i> N.S. Lý & Skornick. and <i>N. serpens</i> N.S. Lý & Skornick.: Chemical compositions, and antimicrobial activity	5	x	Journal of Essential Oils Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971		25, 6, 1221-1228	2022
11	Chemical composition and antimicrobial activity of the essential oil of the leaves of <i>Machilus cochinchinensis</i> from Vietnam	4	x	Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.830		58, 6, 1152-1154	2022
12	Chemical compositions, mosquito larvicidal and antimicrobial activities of essential oils of <i>Hedychium stenopetalum</i> Lodd. and <i>Hedychium villosum</i> Wall. of Zingiberaceae family from Vietnam	4		Journal of Essential Oil Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	1	25(4): 924-938	2022
13	Essential oil compositions and antimicrobial activity of the leaves and rhizomes of <i>Alpinia calcicola</i> from Vietnam	4		Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.830	2	58(5): 939-942	2022
14	Essential oils of Lauraceae: Constituents and antimicrobial activity of <i>Dehaasia cuneata</i> (Blume) Blume and <i>Caryodaphnopsis tonkinensis</i> (Lecomte) Airy- Shaw from Vietnam	4	x	Records of Natural Products, ISSN: 1307-6167	SCIE, Q3, IF: 2.0	2	16(5): 477-482	2022
15	Annonaceae essential oils: Antimicrobial and compositions of the leaves of <i>Uvaria hamiltonii</i> Hook. f. & Thoms. and <i>Fissistigma kwangsiensis</i> Tsiang & P. T. Li	5	x	Record of Natural Products, ISSN: 1307-6167	SCIE, Q3, IF: 2.0		16, 4, 387-392	2022
16	Essential oils of Lauraceae: Antimicrobial activity and constituents of <i>Phoebe macrocarpa</i>	5		Journal of Essential oil Bearing Plants,	SCIE, Q3, IF: 1.971	2	24, 2, 297-304	2022

	C.Y.Wu leaf essential oil from Vietnam			ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)				
17	<i>Camellia annamensis</i> (Theaceae), a new species from central Vietnam	9		Taiwania ISSN: 0372-333X	SCIE, Q3, IF: 0.816	5	67, 2, 243-249	2022
18	Chemical composition and antimicrobial activity of essential oil from the rhizomes of <i>Curcuma pambrosima</i> growing in Vietnam	4	x	Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.830	2	58, 1, 148-151	2022
19	Đa dạng nguồn tài nguyên thực vật cho tinh dầu và giá trị bảo tồn tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt tỉnh Nghệ An	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN: 1859-4581			16, 108-115	2022
20	Đa dạng cây thuốc ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	6		Tạp chí Rừng và Môi trường, ISSN: 1859-1248			114, 21-25	2022
21	Đa dạng họ Cúc (Asteraceae) ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An	3	x	Báo cáo khoa học về Nghiên cứu giảng dạy sinh học ở Việt Nam lần thứ 5, TP. Hồ Chí Minh 26-28/08/2022			77-84	2022
22	Chemical compositions of essential oils and antimicrobial activity of <i>Zingiber magang</i> and <i>Zingiber tamii</i> from Vietnam	5	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971		24, 5, 1087-1096	2021
23	Investigation into the chemical composition and antimicrobial activity of essential oil from the rhizomes of <i>Boesenbergia quangngaiensis</i> N.S. Lý from Vietnam	4	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971		24, 5, 1125-1133	2021
24	The leaf essential oil of <i>Acorus macrospadiceus</i> (Yam.) F. N. Wei & Y. K. Li from Vietnam: chemical composition and antimicrobial activity	4	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971		24, 4, 745-752	2021
25	Chemical compositions of essential oils and antimicrobial activity of	6		Journal of Essential Oil Bearing Plants	SCIE, Q3, IF: 1.971		24, 4, 714-723	2021

	<i>Alpinia kwangsiensis</i> from Vietnam,			ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)				
26	<i>Lantana camara</i> L. essential oils from Vietnam: Chemical composition, molluscicidal, and mosquito larvicidal activity	8		Chemistry & Biodiversity, 29 Mar 2021 ISSN: 1612-1880	SCIE, Q3, IF: 2.745		29, 18, 1-17	2021
27	Chemical compositions of essential oils and antimicrobial activity of <i>Amomum cinnamomeum</i> from Vietnam	5		Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.830	4	57, 3, 487-489	2021
28	Antimicrobial activity of the essential oils from the leaves and stems of <i>Amomum rubidum</i> Lamxay & N. S. Lý	7	x	Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas; ISSN: 0717-7917	SCIE, Q4, IF: 0.905		20, 1, 81- 89	2021
29	<i>Zingiber neotruncatum</i> T.L. Wu, K. Larsen & Turland, mô tả loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	5	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia, Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			37, 1, 76- 80	2021
30	Đa dạng họ Sim (Myrtaceae) ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống, tỉnh Nghệ An	4		Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh			50, 4A, 19-28	2021
31	<i>Friesodielsia filipes</i> (Hook.f. & Thoms.) Steen. (Annonaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	3	x	Hội nghị toàn quốc lần thứ 3, Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Hà Nội 18/05/2021; ISBN: 978-604-9988-03-5			376-379	2021
32	Chemical constituents of the essential oils from the leaves of <i>Litsea umbellata</i> and <i>Litsea iteodaphne</i> and their mosquito larvicidal activity	6	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	1	23, 6, 1334- 1344	2020
33	<i>Camellia puhoatensis</i> (Sect. <i>Archeacamellia</i> -	6		PhytoKeys ISSN: 1314-2011 (Print)	SCIE, Q2, IF: 1.225	3	153, 1-11	2020

	Theaceae), a new species from Vietnam			1314-2003 (Online)				
34	<i>Camellia ngheanensis</i> (Sect. <i>Chrysantha</i> : Theaceae), a new species from Central Vietnam	6	x	Phytotaxa ISSN: 1179-3155 (Print) 1179-3163 (Online)	SCIE, Q2, IF: 1.007	2	452, 2, 209-216	2020
35	<i>Loxostigma puhoatense</i> (Gesneriaceae), a new species from North Central Vietnam	7		PhytoKeys ISSN: 1314-2011 (Print) 1314-2003 (Online)	SCIE, Q2, IF: 1.225		151, 2, 49-57	2020
36	Composition of essential oils from <i>Litsea firma</i> var. <i>austroannamensis</i> from Vietnam	6	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.716		56, 3, 542-544	2020
37	Compositions of essential oil of <i>Cinnamomum tetragonum</i>	6	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.716		56, 3, 545-547	2020
38	Antimicrobial activity and chemical constituents of essential oil from the leaves of <i>Alpinia globosa</i> and <i>Alpinia tonkinensis</i>	5	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	2	23, 2, 322-330	2020
39	Chemical compositions of <i>Actinodaphne pilosa</i> essential oil from Vietnam, mosquito larvicidal activity, and antimicrobial activity	6	x	Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q4, IF: 0.468	2	15, 4, 1-6	2020
40	Mosquito larvicidal activity on <i>Aedes albopictus</i> and constituents of essential oils from <i>Manglietia dandyi</i> (Gagnep.) Dandy	7	x	Records of Natural Products, ISSN: 1307-6167	SCIE, Q2, IF: 1.444		14, 3, 201-206	2020
41	Chemical composition and antibacterial activities of essential oil from fruits of <i>Melicope ptelefolia</i> (Champ. ex Benth.) T.G. Hartley grown in Lam Dong province, Vietnam	6		Academia Journal of Biology ISSN: 0866-7160			42, 3, 89-94	2020



42	Chemical compositions of essential oils from leaves of <i>Vitex negundo</i> L. growing in Viet Nam and larvicidal activity against <i>Aedes Aegypti</i> L.	7		Vietnam journal of Science and Technology			58, 6A, 142-157	2020
43	Đa dạng Lóp Ngọc lan ở Khu BTTN Pù Hoạt, Nghệ An	5	x	Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 4, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội			133-140	2020
44	Analysis of essential oils from the leaf of <i>Phoebe paniculata</i> (Wall. ex Nees) Nees, leaf and stems of <i>Phoebe tavoyana</i> (Meissn.) Hook. f. from Vietnam	7	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	2	22, 1, 231-238	2019
45	A new yellow <i>Camellia</i> (Theaceae) from Central Vietnam	7	x	Korean Journal Plant Taxonomy; ISSN: 1225-8318 (Print) 2466-1546 (Online)	ESCIE, Q3; IF: 0.54	4	49, 1, 90-95	2019
46	Essential oil constituents from the leaves of <i>Anoectochilus setaceus</i> , <i>Codonopsis javanica</i> and <i>Aristolochia kwangsiensis</i> from Vietnam	5	x	Record of Natural Products; ISSN: 1307-6167	SCIE; Q3, IF: 1.444	5	13, 3, 281-286	2019
47	<i>Zingiber vuquangense</i> (Sect. <i>Cryptanthium</i> : Zingiberaceae), a new species from North Central coast region, Vietnam	5		Phytotaxa ISSN: 1179-3155 (Print) 1179-3163 (Online)	SCIE; Q2, IF: 1.007	3	338, 4, 295-300	2019
48	Bổ sung loài <i>Piper minutistigmum</i> C. DC. (Piperaceae) cho hệ thực vật Việt Nam	3	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			35, 2, 32-35	2019
49	Đa dạng thực vật lớp Một lá mầm (Monocotyledone) ở Khu	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà			35, 1, 83-89	2019

	Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An			Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)				
50	Nghiên cứu đa dạng các kiểu thảm thực vật Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An	5	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN: 1859-4581			21: 85-91	2019
51	Đa dạng các loài thực vật bậc cao có mạch sinh sản bằng bào tử (Pteriophytes) ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN: 1859-4581			7: 92-98	2019
52	Chemical composition of essential oils of <i>Alpinia strobiliformis</i> T. L. Wu & S. J. Chen and <i>Alpinia blepharocalyx</i> K. Schum. from Vietnam	5		Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	1	21, 6, 1585-1593	2018
53	<i>Dasymaschalon bachmaensis</i> (Annonaceae), a new species from Bạch Mã National Park, North Central Coast region, Vietnam	4	x	Phytotaxa; ISSN: 1179-3155 (Print) 1179-3163 (Online)	SCIE; Q2, IF: 1.007	1	379, 1, 49-56	20183
54	Volatile constituents of <i>Siliquamomum tonkinensis</i> from Vietnam	5	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716		54, 5, 990-991	2018
55	Analysis of essential oil from <i>Alpinia napoensis</i>	4	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716		54, 5, 992-994	2018
56	The leaves and rhizomes essential oils of <i>Alpinia oblongifolia</i> Hayata	3	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971		21, 2, 529-534	2018
57	Constituents of essential oil from <i>Dasymaschalon bachmaensis</i> and <i>Phaeanthus vietnamensis</i>	6	x	Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print)	SCIE, Q3, IF: 0.468	1	13, 5, 627-628	2018

				1555-9475 (Online)				
58	Chemical analysis of essential oils of <i>Piper laosanum</i> and <i>Piper acre</i> (Piperaceae) from Vietnam	6	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	5	21, 1, 181-188	2018
59	Chemical constituents of essential oils from three Vietnamese species of <i>Pinus</i>	6	x	Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas; ISSN: 0717-7917	SCIE, Q4; IF: 0.771	4	17, 1, 53-60	2018
60	Essential oil constituents of the leaves of <i>Amomum gagnepainii</i> and <i>Amomum repoense</i>	5	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	5	32, 3, 316-321	2018
61	<i>Piper boehmeriaefolium</i> (Piperaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	4		Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 3, Nxb Nông nghiệp Hà Nội, Quy Nhơn, 20/5/2018; ISBN: 978-604-931-695-5			529-532	2018
62	Đa dạng cây thuốc của người Thái ở xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, Nghệ An	5	x	Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 3, Nxb Nông nghiệp Hà Nội, Quy Nhơn, 20/5/2018; ISBN: 978-604-931-695-5			34-41	2018
63	Essential oil of <i>Syzygium grande</i> (Wihgt) Walp. and <i>Syzygium sterrophyllum</i> Merr. et Perry	5		Journal of Essential oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	2	20, 6, 1620-1626	2017

64	Essential oils of leaves, stems and roots of Vietnamese species of <i>Alpinia menghaiensis</i> and <i>A. maclurei</i>	4	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716	3	53, 3, 570-573	2017
65	Volatile constituents of <i>Atalantia roxburghiana</i> Hook. f., <i>Tetradium trichotorum</i> Lour. and <i>Macclurodendron oligophlebia</i> (Merr.) Hartl. (Rutaceae) from Vietnam	4	x	Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas; ISSN: 0717-7917	SCIE, Q4; IF: 0.771		16, 5, 513-519	2017
66	Essential oils of root of <i>Stahlianthus campanulatus</i> O. Kuzt	5	x	Record of Natural Product; ISSN: 1307-6167	SCIE; Q3, IF: 1.444		20, 3, 318-322	2017
67	Analysis of the volatile constituents of <i>Alpinia pinnanensis</i>	5	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	4	20, 1, 264-271	2017
68	<i>Zingiber nitens</i> M. F. Newman: A new species and its essential oil constituent	5	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	7	20, 1, 69-75	2017
69	Constituents of essential oil from the leaf, stem, root, fruit and flower of <i>Alpinia macroura</i> K. Schum	5	x	Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas, ISSN: 0717-7917	SCIE, Q4; IF: 0.771	2	16, 1, 26-33	2017
70	Đa dạng họ Na (Annonaceae Juss. 1789) ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	4		Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			33, 1S, 318-323	2017
71	Thành phần hóa học tinh dầu loài Bời lời phiến lá thon ( <i>Litsea lancilimba</i> Merr.) và Bời lời lá thuôn ( <i>Litsea elongata</i> ) ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	4		Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			33, 1S, 324-328	2017

72	<i>Alpinia rugosa</i> S. J. Chen & Z. Y Chen (Zingiberaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	4		Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)		2	33, 1, 101-104	2017
73	Bổ sung loài Gừng sáng bóng ( <i>Zingiber nitens</i> M. F. Newman) (Zingiberaceae) cho hệ thực vật Việt Nam	5	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)		4	33, 2, 46-50	2017
74	Analysis and olfactory description of four essential oils from Vietnam	6		Natural Product Communications, ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.468	1	11, 10, 1551-1554	2016
75	Chemical composition of Vietnamese essential oils of <i>Cinnamomum rigidifolium</i> , <i>Dasymaschalon longiusculum</i> , <i>Fissistigma maclurei</i> and <i>Goniothalamus albiflorus</i>	6		Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.468	5	11, 11, 1701-1703	2016
76	Chemical constituents of essential oils from the leaf, flower and fruit of <i>Zanthoxylum avicenna</i> (Lam.) DC. (Rutaceae) from Vietnam	5		Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	3	19, 4, 1019-1024	2016
77	Identification of the volatile compounds in the leaf and stem bark of three <i>Goniothalamus</i> species from Vietnam	3		Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	4	19, 3, 743-749	2016
78	Volatile constituents of three <i>Illicium</i> plants	6	x	Records of Natural Products; ISSN: 1307-6167	SCIE, Q3, IF: 1.444	2	10, 6, 806-811	2016
79	Study on essential oils from the leaves of two Vietnamese plants: <i>Jasminum subtriplinerve</i> C. L. Blume and <i>Vitex quinata</i> (Lour.) F. N. Williams	4	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	7	30, 7, 860-864	2016
80	Constituents of essential oils from three species of <i>Fissistigma</i> genus from Vietnam	5		Chemistry of Natural Compounds;	SCIE; Q3, IF: 0.716	1	52, 1, 155-158	2016

				ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)				
81	Chemical constituents of essential oil bearing plants from Vietnam	3		Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716		52, 1, 152-153	2016
82	Composition of essential oils from <i>Chloranthus elatior</i> and <i>Ch. spicatus</i> from Vietnam	3		Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716		52, 1, 149-151	2016
83	Thành phần hóa học tinh dầu của loài Quýt rừng ( <i>Atalantia guillauminii</i> Swingle) (Rutaceae) ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	4		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160		1	38, 1, 70-74	2016
84	Đa dạng họ Gừng (Zingiberaceae) ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	4	x	Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 2, Đà Nẵng, 20 tháng 5 năm 2016; ISBN: 978-604-913-440-			123-128	2016
85	Đa dạng các loài cây cho tinh dầu ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	4	x	Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 2, Đà Nẵng, 20 tháng 5 năm 2016, ISBN: 978-604-913-440-			373-379	2016
86	Chemical constituents of leaf essential oils of four Scrophulariaceae species grown in Vietnam	4	x	Journal of Essential Oil Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 1.148	4	27, 6, 481-486	2015

87	Constituents of essential oils from the leaves, stems and roots of <i>Zingiber gramineum</i> and <i>Zingiber rufopilosum</i>	5		Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas; ISSN: 0717-7917	SCIE, Q4; IF: 0.771	3	14, 6, 449-455	2015
88	Volatile constituents of <i>Amomum maximum</i> Roxb. and <i>Amomum microarpum</i> C. F. Liang & D. Fang: two Zingiberaceae grown in Vietnam	5	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	10	29, 15, 1469-1472	2015
89	Composition of stem bark essential oils of three Vietnamese species of <i>Kadsura</i> (Schisandraceae)	6	x	Records of Natural Products; ISSN: 1307-6167	SCIE, Q3; IF: 1.444		9, 3, 386-393	2015
90	Essential oil constituents of <i>Etilingera yunnanensis</i> and <i>Hornstedtia sanhan</i> grown in Vietnam	6		Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.468	5	10, 2, 365-366	2015
91	Composition of essential oils from <i>Euodia lepta</i> (Spreng.) Merr. and <i>Euodia calophylla</i> Guill., grown in Vietnam	4		Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas; ISSN: 0717-7917	SCIE, Q4; IF: 0.771	3	14, 1, 60-66	2015
92	Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	3		Tạp chí Công nghệ Sinh học, ISSN: 1811-4989			13, 4A, 1347-1352	2015
93	<i>Etilingera yunnanensis</i> (T. L. Wu & S. J. Chen) R. M. Sm. (Zingiberaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	4	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 0866-8612			31, 4S, 35-38	2015
94	Thành phần hóa học tinh dầu loài Riêng pinna ( <i>Alpinia pinnanensis</i> T. L. Wu & S.J. Chen) (Zingiberaceae) ở Nghệ An	4	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 0866-8612			31, 4S, 148-153	2015
95	Các loài thực vật bị đe dọa tuyệt chủng và giá trị của chúng ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	3		Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị Khoa học Toàn quốc lần thứ			750-756	2015

				6, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 22/10/2015; ISBN: 978-604-0730-2				
96	Analysis of the essential oils from five Vietnamese <i>Litsea</i> species (Lauraceae)	5		Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971	13	17, 5, 960-971	2014
97	Composition of essential oils of four <i>Hedychium</i> species from Vietnam	6		Chemistry Central Journal; ISSN: 1752-153X	SCIE, Q2, IF: 2.284	20	8, 54	2014
98	Study on <i>Cinnamomum</i> oils: Compositional pattern of seven species grown in Vietnam	5		Journal of Oleo Science; ISSN: 1345-8957 (Print) 1345-8957 (Online)	SCIE, Q2, IF: 1.633	14	63, 10, 1035-1043	2014
99	Chemical composition of the leaf oil of <i>Actephila excelsa</i> from Vietnam	4	x	Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.468	3	9, 9, 1359-1360	2014
100	<i>Kadsura oblongifolia</i> Merr. leaves, stem bark and root bark essential oils	4	x	Journal of Essential Oil Research; ISSN: 1041-2905	SCIE; Q2, IF: 2.532	3	26, 5, 372-376	2014
101	Chemical constituents of essential oil of the leaf of three species of <i>Croton</i> from Vietnam	4	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716	1	50, 1, 155-157	2014
102	Volatile constituents of the leaf oil of <i>Cratoxylum cochinchinense</i> from Vietnam	3	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716	3	50, 1, 158-160	2014
103	Chemical composition of essential oils from the leaves and stem barks of Vietnamese species of <i>Polyalthia harmandii</i> , <i>Polyalthia jucunda</i> and <i>Polyalthia thorelii</i>	3	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.488	6	28, 8, 555-562	2014



104	Constituents of essential oils from the leaves, stem barks and resins of <i>Canarium parvum</i> Leen., and <i>Canarium tramdenanum</i> Dai et Yakovl. (Burseraceae) grown in Vietnam	4		Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.488	10	28, 7, 461-466	2014
105	Analysis of essential oil constituents of Three <i>Dasymaschalon</i> species (Annonaceae) from Vietnam	4	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.488	2	28, 3, 156-163	2014
106	Đa dạng thành phần loài thực vật đại cao ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	4	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 0866-8612			30, 6SB, 347-352	2014
107	Thành phần hóa học tinh dầu loài Hoàng mộc nhiều gai ( <i>Zanthoxylum myriacanthum</i> Wall. ex Hook.f.) ở Nghệ An	3	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 0866-8612			30, 6SC, 520-524	2014
108	Essential oil of <i>Lindera rufa</i> Hook. f. leaves from Vietnam	3	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q3, IF: 1.971		16, 6, 832-834	2013
109	Essential oil compositions of <i>Alphonsea philastreana</i> (Pierre) Pierre ex Fin. et Gagnep. and <i>Alphonsea gaudichaudiana</i> (Baill.) Fin. et Gagnep. from Vietnam	4		Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.488	3	27, 21, 2022-2026	2013
110	A comparative analysis of essential oil of <i>Goniothalamus macrocalyx</i> Ban, <i>Goniothalamus albiflorus</i> Ban and <i>Goniothalamus tamirensis</i> Pierre ex Fin. & Gagnep. from Vietnam	4		Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.488	1	27, 21, 1999-2005	2013
111	Study on the volatile oil contents of <i>Annona glabra</i> L., <i>Annona squamosa</i> L., <i>Annona muricata</i> L. and <i>Annona</i>	4	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.488	57	27, 13, 1232-1236	2013

	<i>reticulata</i> L. from Vietnam							
112	The leaf essential oils of four Vietnamese species of <i>Cinnamomum</i> (Lauraceae)	6		Journal of Essential Oil Research; ISSN: 1041-2905	SCIE; Q2, IF: 2.532	4	26, 4, 267-271	2013
113	Essential oil of <i>Phoebe angustifolia</i> Meisn., <i>Machilus velutina</i> Champ. ex Benth. and <i>Neolitsea polycarpa</i> Liou (Lauraceae) from Vietnam	4		Records of Natural Products; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE; Q3, IF: 1.444	3	7, 3, 192-200	2013
114	Chemical compositions of the leaf essential oils of some Annonaceae from Vietnam	4		Journal of Essential Oil Research; ISSN: 1041-2905	SCIE; Q2, IF: 2.532	17	26, 2, 85-91	2013
115	Essential oils from Five species of Annonaceae from Vietnam	4		Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.468	17	8, 2, 239-242	2013
116	Thành phần hóa học của tinh dầu loài bì lồi cam bốt ( <i>Litsea cambodiana</i> Lecomte) và loài Bì lồi đỏ tươi ( <i>Litsea salmonea</i> A. Chev.) ở Vườn Quốc gia Bạch Mã	4		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			35, 3, 301-305	2013

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS

Sau khi được cấp bằng tiến sĩ đã có **47** bài báo là tác giả chính được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín: [3], [10-11], [14-15], [18], [22-24], [28], [32], [34], [36-40], [44-46], [53-60], [63-69], [78-79], [86], [88-89], [99-103], [105], [108], [111].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An, ngày 21 tháng 06 năm 2023

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Ngọc Đài